

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/DS-PT  
Ngày: 16-11-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Ngọc Phi

*Các Thẩm phán:* Ông Lưu Hữu Giàu  
Ông Nguyễn Hoàng Thám

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 172/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 193/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 205/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 217/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hảo H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ông Trương Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Ông Trương Trọng K, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi tắt là bà N) trình bày:*

Ngày 28/3/2017, ông Trần Hào H (sau đây gọi tắt là ông H) gọi điện thoại đến bà để hỏi vay 10.000.000 đồng, bà đồng ý cho ông H vay nhưng ông H không trực tiếp nhận tiền, ông H nhờ ông Trương Minh T (sau đây gọi tắt là ông T), là cháu ông H trực tiếp nhận 10.000.000 đồng. Hợp đồng vay giữa bà và ông H xác lập bằng lời nói, không lập văn bản, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay, ông H đã trả lãi 07 tháng là 3.500.000 đồng nhưng ông H không trực tiếp giao tiền lãi cho bà, ông H nhờ ông Trương Trọng K (sau đây gọi tắt là ông K) giao tiền lãi cho bà. Sau đó, ông H có trả vốn 2.000.000 đồng nhưng ông H nhờ bà Lê Thị L (sau đây gọi tắt là bà L), là mẹ của ông H giao 2.000.000 đồng cho bà. Nay bà yêu cầu ông H trả cho bà vốn vay 8.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Theo biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H trình bày:*

Ông và bà N là hàng xóm, trước khi xảy ra vụ tranh chấp này, ông có thường vay tiền của bà N nhưng đều trả xong.

Ngày 28/3/2017, ông K (là cháu của ông, mẹ của ông K là chị ruột của ông) cần tiền tiêu xài nên ông K nhờ ông hỏi vay 10.000.000 đồng của bà N và bà N đồng ý nên ông K trực tiếp nhận 10.000.000 đồng của bà N; ông K trực tiếp trả tiền lãi hàng tháng cho bà N; ông K trả vốn 2.000.000 đồng, còn nợ vốn 8.000.000 đồng.

Nay ông không đồng ý yêu cầu của bà N, vì ông vay tiền của bà N giùm cho ông K nên ông K có trách nhiệm trả tiền cho bà N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà L, ông K và ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bị đơn ông H trả tiền vay 8.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, bà N kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, buộc ông H phải trả cho bà vốn vay 8.000.000 đồng, không tính lãi.

*Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Trần Hảo H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000 đồng. Ông Trần Hảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà N kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông H, ông K, ông T, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Bà N và ông H thống nhất số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 28/3/2017; thống nhất đã trả vốn 2.000.000 đồng; thống nhất nợ vốn hiện còn là 8.000.000 đồng.

[3.2] Tại Biên bản ghi lời khai của ông H ngày 13/8/2020; Biên bản hòa giải ngày 13/8/2020, ông H trình bày: “Ông và bà N có quen biết, nhà gần, trước đây ông cũng thường hỏi mượn tiền của bà N. Ngày 28/3/2017, cháu của ông là K cần tiền tiêu xài nên ông có gọi điện thoại hỏi mượn 10.000.000 đồng của bà N giùm cho K”. Như vậy, ông H thừa nhận có gọi điện thoại đề nghị vay 10.000.000 đồng của bà N và được bà N chấp nhận cho vay 10.000.000 đồng nên phát sinh hợp đồng vay tài sản giữa bà N và ông H xác lập bằng lời nói và

có hiệu lực ngay thời điểm bà N chấp nhận cho ông H vay 10.000.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 119; điểm b khoản 1 Điều 388; khoản 1 Điều 401; Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Ông H trình bày vay tiền của bà N giùm cho ông K nhưng bà N không thừa nhận; ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà N chấp nhận cho ông H vay tiền giùm ông K; không có tài liệu, chứng cứ về việc ông K thừa nhận có vay tiền của bà N; không có tài liệu, chứng cứ về việc ông K chịu trách nhiệm trả tiền cho bà N.

[3.4] Việc bà N giao số tiền 10.000.000 đồng cho ông T nhận; việc ông K giao tiền lãi cho bà N; việc bà L giao số tiền 2.000.000 đồng cho bà N là xuất phát từ việc ông H đã gọi điện thoại xác lập hợp đồng vay của bà N 10.000.000 đồng; hơn nữa, ông H đã có nhiều lần vay tiền của bà N và đã thực hiện xong (ông H thừa nhận) nên bà N tin tưởng tiếp tục xác lập hợp đồng vay bằng lời nói.

[3.5] Do đó, bà N yêu cầu ông H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92; Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.6] Cấp sơ thẩm nhận định bà N khởi kiện nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông H có vay của bà N 10.000.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Bởi vì, ông H thừa nhận có gọi điện thoại đề nghị vay 10.000.000 đồng của bà N và được bà N chấp nhận cho ông H vay là thuộc trường hợp bà N không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông H nhưng ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến phản đối. Do đó, ông H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp ông H và ông K có xác lập thỏa thuận vay tiền giùm thì ông K tự chịu trách nhiệm đối với ông H.

Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang: Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 8.000.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng; bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Buộc ông Trần Hảo H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009385 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

+ Ông Trần Hảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006384 ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Tịnh Biên;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Ngô Ngọc Phỉ**